

PHIẾU BÀI MÔN TOÁN LỚP 2

Mã: 2103

Thời gian làm bài: 30 phút

Ngày.....tháng.....năm ...

Họ và tên:.....Lớp:.....

Nhận xét của giáo viên:.....

Ôn tập

Bài 1. Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

1. Số 45 gồm:

A. 5 chục và 4 đơn vị

B. 5 chục và 5 đơn vị

C. 4 chục và 5 đơn vị

D. 4 chục và 4 đơn vị

2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $38 = \dots + 8$

A. 30

B. 11

C. 3

D. 80

3. Số bé nhất có một chữ số là:

A. 0

B. 1

C. 9

D. 11

4. Số 35 đọc là:

A. Ba lăm

B. Ba năm

C. Ba mươi lăm

D. Ba mươi năm

5. Số lớn nhất trong các số sau là: 63; 56; 65; 68:

A. 63

B. 56

C. 65

D. 68

6. Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn: 13; 21; 18; 15

A. 13; 15; 18; 21

B. 21; 18; 15; 13

C. 13; 21; 15; 18

D. 21; 13; 15; 18

7. Số liền trước của số 17 là số:

A. 18

B. 16

C. 19

D. 15

8. Số liền sau của số 9 là số:

A. 8

B. 7

C. 6

D. 10

9. Số lớn hơn 56 và nhỏ hơn 58 là:

A. 54

B. 59

C. 57

D. 55

10. 9 là số liền sau của số:

A. 8

B. 7

C. 6

D. 10

Bài 2. Hoàn thành bảng sau (theo mẫu):

Số gồm	Viết số	Đọc số
3 chục và 7 đơn vị	37	ba mươi bảy
6 chục và 3 đơn vị	...	
4 chục và 0 đơn vị	...	
5 chục và 6 đơn vị	...	
8 chục và 5 đơn vị	...	

Bài 3. Số?

$15 + 3 - 2 = \dots$

$17 - \dots = 10$

$50 + 8 - \dots = 52$

$25 + \dots = 29$

$\dots + 5 = 16$

$39 - \dots = 33$

Bài 4. Mẹ mua về 15 quả cam. Cả nhà đã ăn hết 4 quả cam. Hỏi mẹ còn bao nhiêu quả cam?

Phép tính:



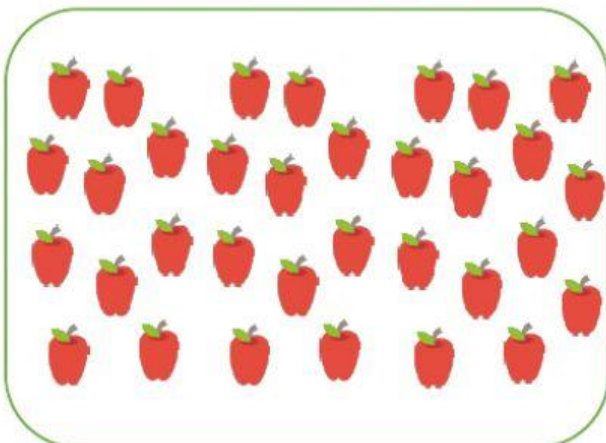
=



Trả lời: Mẹ còn quả cam



Bài 5. Em ước lượng xem trong hình có mấy chục quả táo rồi đếm số quả táo trong hình đó.



- Em ước lượng:

Khoảng chục quả táo.

- Em đếm được:

quả táo.